



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học,
danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục
của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 53/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học, quyết định danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp

học, danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, từ năm học 2026-2027.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 2. Cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học

1. Người dự tuyển phải nộp tiền dịch vụ tuyển sinh khi tham gia xét tuyển, thi tuyển các cấp học hàng năm của cơ sở giáo dục. Mức thu dịch vụ tuyển sinh được xác định theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí liên quan trực tiếp, gián tiếp đến việc xét tuyển, thi tuyển.

2. Tiền thu dùng để thanh toán các nội dung chi cho việc xét tuyển, thi tuyển và thực hiện nghĩa vụ thuế; nội dung, mức chi và các khoản thực tế phát sinh thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 3. Danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện để tổ chức các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, xây dựng dự toán và thỏa thuận với cha mẹ (người giám hộ) học sinh mức thu, nội dung chi của từng khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tự nguyện, tính đúng, tính đủ chi phí đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn; đảm bảo thấp hơn hoặc bằng mức thu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Cơ sở giáo dục chỉ được triển khai các khoản thu khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt; quản lý sử dụng các khoản thu theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, công bằng, dân chủ, minh bạch và theo các văn bản quy định hiện hành. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ quy định nội dung, mức chi các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Lê Xuân Lợi

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (nghìn đồng)
I	DỊCH VỤ TUYỂN SINH CÁC CẤP	Nghìn đồng/học sinh/kỳ thi, xét tuyển	Theo công bố giá dịch vụ của đơn vị
II	DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC		
1	Tiền ăn bán trú do nhà trường tự nấu ăn	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/ngày	30
	Tiền ăn bán trú do đặt suất ăn bán trú	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/ngày	35
2	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	150
	- Quản lý học sinh bán trú	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	150
3	Chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (trước và sau giờ tan học các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày hè)	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/giờ	Theo thỏa thuận
4	Nhà ở ký túc xá (trừ các trường phổ thông Dân tộc nội trú, Bán trú)	Nghìn đồng/học sinh/tháng	150
5	Nước uống	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	10
6	Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài nhà trường)	Nghìn đồng/học sinh/năm học	Theo thỏa thuận
7	Dạy kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao. Dạy chương trình STEM/STEAM. Dạy các môn văn hoá bằng tiếng Anh. Dạy ngoại ngữ, tin học tự chọn lớp 1, lớp 2. Dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài. Dạy ngoại ngữ, tin học tại trung tâm GDNN-GDTX, trường Trung học nghề; dạy ngoại ngữ đối với trẻ mầm non	Nghìn đồng/tiết/học sinh, trẻ	Theo thỏa thuận
8	Dịch vụ công nghệ, học tập số (ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học, trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh)	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Thỏa thuận khi người học có nhu cầu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (nghìn đồng)
9	Hoạt động ngoại khoá huấn luyện phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, an toàn trường học	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Thoả thuận khi người học có nhu cầu
10	Hỗ trợ can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật của cơ sở giáo dục	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	Theo thoả thuận
III	DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC		
1	Vệ sinh trường học	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	15
2	Tổ chức kiểm tra khảo sát, đánh giá năng lực, luyện kỹ năng làm bài thi (theo hình thức trực tuyến bằng 90% theo hình thức trực tiếp)		
	- Thi, kiểm tra tự luận	Nghìn đồng/môn thi/lần thi, kiểm tra	20
	- Thi, kiểm tra trắc nghiệm	Nghìn đồng/môn thi/lần thi, kiểm tra	15
	Thi, kiểm tra kết hợp tự luận và trắc nghiệm	Nghìn đồng/môn thi/lần thi, kiểm tra	20
3	Dịch vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Nghìn đồng/học sinh/kỳ thi	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
4	Trông giữ xe		
	- Xe đạp, xe đạp điện	Nghìn đồng/xe/tháng	15
	- Xe máy, xe máy điện	Nghìn đồng/xe/tháng	40
5	Đưa đón học sinh, trẻ em	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Theo thực tế và thoả thuận
6	Đồ dùng bán trú (trừ các trường phổ thông dân tộc nội trú)		
	- Trang bị đầu cấp, đầu bậc học	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/cấp học	400
	- Trang bị hàng năm	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (nghìn đồng)
7	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Theo thực tế sử dụng
8	Thẻ học sinh	Nghìn đồng/học sinh/năm học	Theo thỏa thuận
9	Dụng cụ, tài liệu học tập cá nhân (đối với trẻ em mầm non, học sinh tiểu học); phôi đề kiểm tra, giấy kiểm tra, giấy nháp, phôi bài tập (đối với học sinh THCS, THPT và GDNN-GDTX)	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	Theo thỏa thuận
10	Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Nghìn đồng/học sinh, trẻ	Theo thực tế khi có dịch bệnh, thiên tai

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. Quản lý thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Đầu năm học, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán thu chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho năm học đảm bảo thấp hơn hoặc bằng mức thu quy định tại phụ lục I; lấy ý kiến của tất cả phụ huynh học sinh về nội dung mức thu, các khoản thu đảm bảo tự nguyện, công khai, minh bạch, tuyệt đối không được ép buộc. Khi phụ huynh học sinh nhất trí nội dung, mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, cơ sở giáo dục trình Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định phê duyệt đối với các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT; trình UBND xã, phường phê duyệt đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

2. Các khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục được thu định kỳ hàng tháng, nếu người học tự nguyện cơ sở giáo dục có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Thời gian thu, số tháng thu được lãnh đạo cơ sở giáo dục thống nhất và thông báo cho phụ huynh học sinh; thực hiện giãn thu theo tháng, theo kỳ, không tập trung vào đầu năm học và triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Kinh phí thu được nộp vào ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc nhà nước để quản lý theo quy định.

3. Quản lý, hạch toán các khoản thu chi trong hệ thống sổ sách kế toán (hạch toán cụ thể từng khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động) và thực hiện nghĩa vụ thuế, chế độ chứng từ, hoá đơn theo quy định. Thực hiện các quy định về công khai thu chi tài chính các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định hiện hành. Kết thúc năm, trường hợp có chênh lệch thu chi, cơ sở giáo dục thực hiện cải cách tiền lương và trích lập quỹ theo quy định hiện hành.

II. Quản lý chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập**1. Tiền ăn bán trú**

a) Tiền ăn bán trú do nhà trường tự nấu ăn: Nhà trường xây dựng dự toán chi tiết kinh phí bao gồm số tiền mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị, nước rửa bát (đơn giá có thuế) và phân bổ theo số học sinh đăng ký ăn bán trú để thống nhất mức thu/học sinh.

b) Tiền ăn bán trú do đặt suất ăn bán trú: Thực hiện thu hộ chi hộ phụ huynh học sinh và nhà cung cấp tiền suất ăn của học sinh. Những buổi học sinh không ăn bán trú thì không thu tiền.

2. Phục vụ bán trú

a) Thuê người nấu ăn, phục vụ: Cơ sở giáo dục căn cứ vào số lượng học sinh ăn bán trú; số người nấu ăn, phục vụ theo định mức (trừ đi số được giao biên chế hoặc hợp đồng cô nuôi do ngân sách nhà nước đảm bảo); căn cứ mức thù lao cho người nấu ăn, phục vụ (đảm bảo quy định mức lương tối thiểu vùng, các khoản đóng góp đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động), phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Chính phủ đối với cấp học mầm non(nếu có), để xác định số tiền chi trả thù lao người nấu ăn, phục vụ.

b) Quản lý học sinh bán trú: Căn cứ vào số lượng, thời gian làm việc của cán bộ, giáo viên để xây dựng dự toán và mức thu/học sinh. Nguồn thu dùng để chi trả tiền công cho giáo viên trực tiếp, người trông, chăm sóc học sinh trong thời gian ở bán trú tối thiểu 85%; còn lại chi thù lao cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế, thủ quỹ, kế toán, những người có liên quan đến công tác quản lý ăn ở bán trú.

3. Chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (trước và sau giờ tan học các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày hè)

Các cơ sở giáo dục chỉ cho giáo viên và cán bộ tham gia trực tiếp.

4. Nhà ở ký túc xá

Chi trả tiền thuê bảo vệ, quản sinh, tiền nước sinh hoạt, tiền mua bổ sung các vật tư, dụng cụ đồ dùng ở nội trú và mua sắm, sửa chữa phục vụ hoạt động chung của nhà trường.

5. Vệ sinh trường học

Kinh phí hỗ trợ cơ sở giáo dục thu đủ để chi trả thù lao người lao động, mua dụng

cụ, giấy vệ sinh, thuốc tẩy rửa vệ sinh, sát khuẩn; phun khử khuẩn, thông cống rãnh, tiền nước sạch phục vụ khu vực vệ sinh của học sinh.

6. Nước uống

Cơ sở giáo dục chỉ mua nước hoặc đun nước; mua bể sung công cụ, dụng cụ phục vụ cho học sinh uống nước. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu đủ để chi trả tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

7. Tổ chức kiểm tra khảo sát, đánh giá năng lực, luyện kỹ năng làm bài thi

Các trường có học sinh học chương trình giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông tổ chức thi thử cho học sinh (không quá 04 lần/năm học). Các nội dung chi phục vụ thi (ra đề, in đề, tổ chức coi, chấm thi, giấy thi, phiếu trả lời trắc nghiệm, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm) không quá định mức chi quy định tại các văn bản hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

8. Dịch vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin

Cơ sở giáo dục xây dựng mức giá dịch vụ phù hợp để chi trả trực tiếp cho hội đồng thi, công tác quản lý, chứng chỉ, các nội dung phục vụ công tác sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ sở giáo dục thực hiện niêm yết giá, công khai giá dịch vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện không được vượt quá mức đã niêm yết.

9. Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài nhà trường)

Cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài nhà trường) theo văn bản hướng dẫn hiện hành; xây dựng dự toán kinh phí chi tiết để xác định mức thu/học sinh và mức chi cho các nội dung liên quan đến tổ chức các hoạt động.

10. Dạy kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao. Dạy chương trình STEM/STEAM. Dạy các môn văn hoá bằng tiếng Anh. Dạy ngoại ngữ, tin học tự chọn lớp 1, lớp 2. Dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài. Dạy ngoại ngữ, tin học tại trung tâm GDNN-GDTX, trường Trung học nghề.

a) Dạy kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao, dạy chương trình STEM/STEAM:

Cơ sở giáo dục tự tổ chức dạy thì quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (bao gồm cả biên soạn chương trình, trực tiếp giảng dạy) tối thiểu 80%; chi công tác quản lý chỉ đạo, phục vụ dạy học tối đa 10%. Trường hợp liên kết hoặc thuê ngoài, cơ sở giáo dục hợp đồng cụ thể với bên liên kết hoặc thuê ngoài về trách nhiệm, nội dung mức chi từng hoạt động và kết quả đạt được.

b) Dạy ngoại ngữ, tin học tự chọn lớp 1, lớp 2: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (giáo viên của trường hoặc thuê ngoài) tối thiểu 80%; chi công tác quản lý chỉ đạo, phục vụ dạy học tối đa 10%; chi mua vật tư, vật liệu, tài liệu, công tác tổ chức các hoạt động tối thiểu 10%.

c) Dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chi cho giáo viên giảng dạy trực tiếp (hợp đồng với trung tâm ngoại ngữ) tối thiểu 80%; chi cho giáo viên của cơ sở giáo dục tham gia giám sát tối thiểu 2%, chi công tác quản lý của cơ sở giáo dục tối đa 8%.

d) Dạy ngoại ngữ, tin học tại trung tâm GDNN-GDTX, trường Trung học nghề: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết tỷ lệ chi từng nội dung.

e) Dạy ngoại ngữ đối với trẻ mầm non: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (giáo viên của trường hoặc thuê ngoài) tối thiểu 80%; chi công tác quản lý chỉ đạo, phục vụ dạy học tối đa 10%; chi mua vật tư, vật liệu, tài liệu, công tác tổ chức các hoạt động tối thiểu 10%.

11. Dịch vụ công nghệ, học tập số, ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học

Cơ sở giáo dục căn cứ vào các quy định về ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học, trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để thực hiện thỏa thuận với phụ huynh cụ thể nội dung dịch vụ, thỏa thuận mức thu với phụ huynh học sinh. Xây dựng dự toán kinh phí chi tiết để xác định mức thu/học sinh và chi trả trực tiếp cho các nội dung liên quan đến dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số.

12. Hoạt động ngoại khoá huấn luyện phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước

Các cơ sở giáo dục chỉ cho giáo viên và cán bộ tham gia trực tiếp, hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ.

13. Tiền công xe

Cơ sở giáo dục thực hiện chi trả thù lao công xe, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ và các khoản chi liên quan đến công giữ xe.

14. Đưa đón học sinh, trẻ em

Các cơ sở giáo dục thực hiện thu hộ chi hộ việc thuê xe dịch vụ đưa đón học sinh, trên cơ sở hợp đồng ký kết với đơn vị đủ điều kiện cung ứng dịch vụ.

15. Dịch vụ hỗ trợ can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật của cơ sở giáo dục

Dịch vụ hỗ trợ can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục bao gồm các hoạt động can thiệp, trị liệu, và hỗ trợ giáo dục đặc biệt nhằm giúp trẻ khuyết tật phát triển tối đa khả năng, giảm thiểu ảnh hưởng của khuyết tật và hòa nhập cộng đồng. Các cơ sở giáo dục chi trả trực tiếp cho người dạy và cán bộ tham gia trực tiếp và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

16. Đồ dùng bán trú

Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết mua mới, sửa chữa trên cơ sở kiểm kê số lượng, tình trạng tài sản, đồ dùng phục vụ cho cá nhân học sinh hiện có (Biên bản kiểm kê có xác nhận của Hiệu trưởng, đại diện phụ huynh học sinh); từ đó xác định số thu với học sinh đầu cấp và học sinh đang học ở trường (bán trú). Đối với cơ sở giáo dục lần đầu tổ chức bán trú thì xác định căn cứ tổng số học sinh bán trú.

17. Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh

Các cơ sở giáo dục có lắp đặt điều hòa, bình nóng lạnh tại các lớp học thực hiện lắp đồng hồ điện riêng và chi trả theo thực tế sử dụng, thực hiện thu hộ chi hộ.

18. Thẻ học sinh

Các cơ sở giáo dục thu hộ chi hộ chi phí làm thẻ học sinh (không thực hiện đối với học sinh mầm non và tiểu học).

19. Dụng cụ, tài liệu học tập cá nhân (đối với trẻ em mầm non, học sinh tiểu

học); phô tô đề kiểm tra, giấy kiểm tra, giấy nháp, phô tô bài tập (đối với học sinh THCS, THPT và GDNN-GDTX)

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo cụ thể danh mục, số lượng, kiểu mẫu, yêu cầu của từng loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu; giấy kiểm tra, giấy nháp; nhu cầu về phô-tô tài liệu cần thiết cho trẻ, học sinh khi tới trường (theo quy định của cơ quan quản lý giáo dục) để phụ huynh học sinh chuẩn bị. Trường hợp phụ huynh không tự chuẩn bị mà đề xuất, đăng ký cơ sở giáo dục cung cấp, các cơ sở giáo dục hợp đồng với nhà cung cấp để cung ứng cho học sinh.

20. Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền

Các cơ sở giáo dục thu đủ để chi trả trực tiếp cho việc chi phí thực hiện dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Không trình duyệt trong danh mục các khoản thu đầu năm học./.